

Chương 2

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG TRONG CHO VAY

2/21/2021

VĂN BẢN

- QĐ 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 “quy chế cho vay của TCTD đối với khách hàng”
- QĐ số 127/2005/QĐ-NHNN, ngày 03/2/2005 “sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 1627/2001/QĐ-NHNN”
- QĐ 783/2005/QĐ-NHNN ngày 31/5/2005 v/v sửa đổi bổ sung khoản 6 điều 1 của QĐ 127
- CV 966/NHNN-CSTT ngày 10/9/2002 “hướng dẫn xử lý thủ tục chi TKTT mặt tiền của TC cung ứng DVTT”
- QĐ 493/2005/QĐ-NHNN, ngày 22/4/2005 “Quy định xử lý phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động NH của TCTD”

2/21/2021

KHÁI QUÁT HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA NHTM

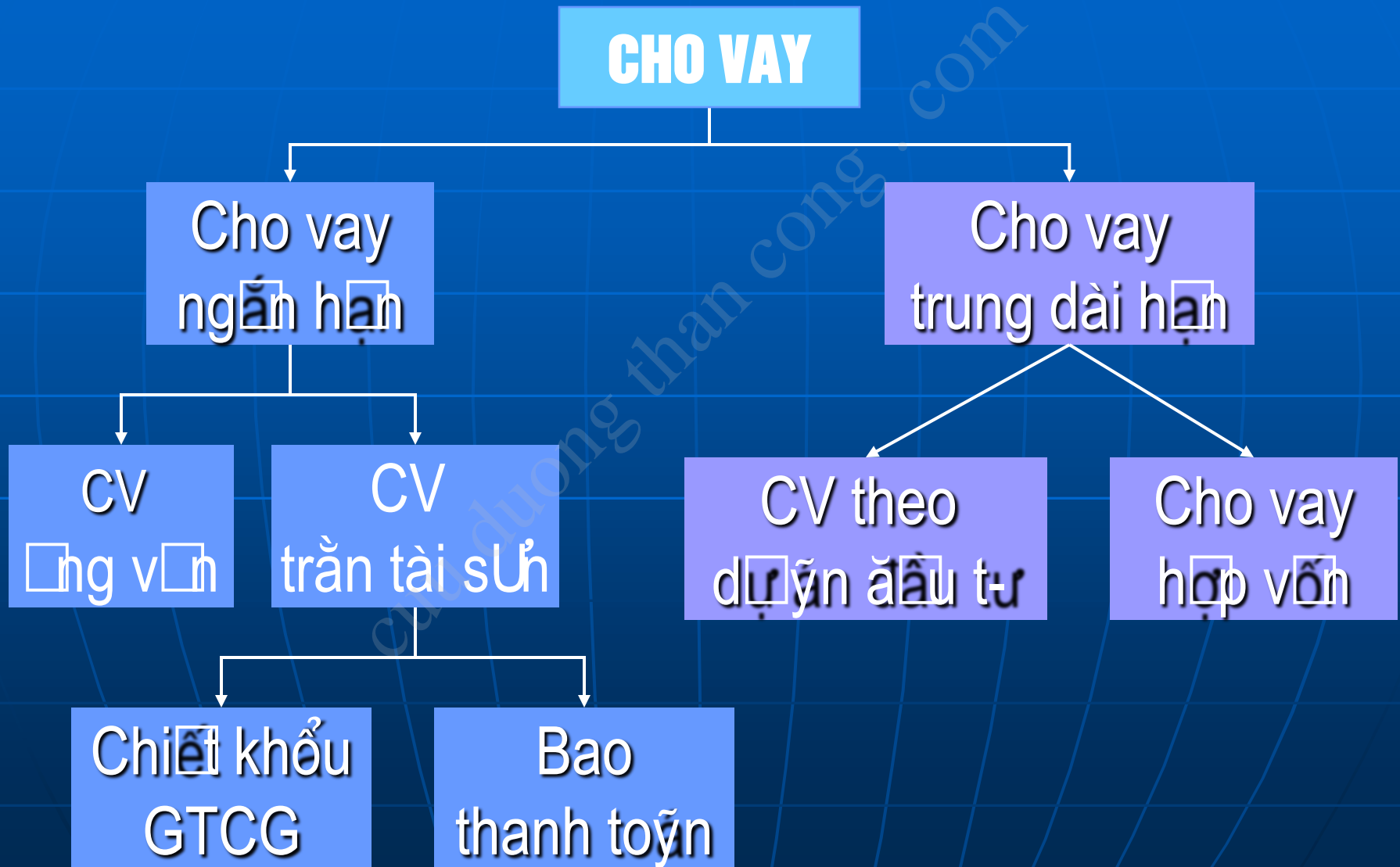
Cho vay là một hình thức cấp tín dụng, theo thỏa thuận giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích và thời gian nhất định theo thoả thuận với nguyên tắc hoàn trả gốc và lãi.

Phân loại cho vay của NHTM:

- Thời hạn cho vay
- Địa điểm cho vay
- Mục đích sử dụng vốn
- Hình thức bảo đảm tiền vay
- Phương pháp hoàn trả
- Quy mô khoản vay
- Ngành kinh tế
- Loại hình doanh nghiệp
- Vùng địa lý
- Chất lượng các khoản vay...

2/21/2021

CÁC LOẠI CHO VAY (CHO VAY DN)



NỘI DUNG

1. Nguyên tắc cho vay
2. Điều kiện vay vốn
3. Thời hạn cho vay
4. Phương pháp cho vay
5. Lãi suất và phisút tín dụng
6. Bảo đảm tín vay
7. Hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo đảm tín vay

2/21/2021

1. NGUYÊN TẮC CHO VAY

Tầm quan trọng:

- Là cơ sở để đưa ra các quy định trong suốt quá trình CV
- Là cơ sở để đưa ra các quy định ảnh hưởng khi quá trình cho vay nảy sinh các vấn đề.

Các nguyên tắc:

- 1) Sử dụng vốn vay đúng mục đích để đảm bảo thuận lợi trong hợp đồng tín dụng.
- 2) Hoàn trả nợ gốc và lãi vốn vay đúng thời hạn để đảm bảo thuận lợi trong hợp đồng tín dụng.

2/21/2021



2. ĐIỀU KIỆN VAY VỐN

- (1). Công năng lực pháp lý
- (2). Mục đích sử dụng vốn vay hợp pháp
- (3). Công năng tài chính đảm bảo trả nợ trong thời hạn cam kết
- (4). Công ĐAĐT/ph-đng ỹn sxkd, dịch vụ khả thi và có hiệu quả;
ĐAĐT/ph-đng ỹn phục vụ ảnh hưởng khả thi và phù hợp với các quy định pháp luật
- (5). Thực hiện các quy định về bổ sung tiền vay theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của NHNN VN

2/21/2021

(1) CÓ ĐỦ NĂNG LỰC PHÁP LÝ

Nội dung:

- Phép nhân phải có năng lực pháp luật dân sự
- Công nhân, chủ DN tư nhân, đại diện của HĐQT, đại diện của tổ hợp tác và thành viên hợp danh của công ty hợp danh phải có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự

Ý nghĩa: Trả lời câu hỏi:

- Người vay có phải chịu trách nhiệm trả nợ theo quy định pháp luật hay không?
- Ngân hàng sẽ đi nơi nào khi xảy ra hạn?

2/21/2021



(2) MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG VỐN VAY HỢP PHÁP

Nội dung:

- KH không được vay vốn để sử dụng cho các mục đích mà pháp luật cấm.
- Phù hợp với giấy phép (đăng ký) kinh doanh

Ý nghĩa:

- Là điều kiện chuyển tiếp để xác định phạm vi/dẫn kinh doanh có hiệu quả hay không.
- Là cơ sở để ngân hàng kiểm soát trong suốt quá trình cho vay...

2/21/2021



(3) CÓ KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH ĐẢM BẢO TRẢ NỢ

- Có vốn tự có tham gia vào dựn, ph-ong ỹn sản xuất kinh doanh dịch vụ và ăi s-ong (theo ănh gi-ỹ của t-ong NH)
- Kinh doanh có hi-ệu quả. Đối với khách hàng vay ph-uc vụ nhu cầu ăi s-ong phải có ngu-ôn thu ăi ănh ở tr-ở n- NH
- Cam kết mua bảo hi-ểm ăi với tài sản là ăi t-ong vay vốn (tài sản hình thành sau khi vay) nếu ph-yp luật quy ănh hoặc theo y-ầu cầu của NH cho vay.
- Kh-ang có n- kh-ă đi hoặc n- quỹ h- v- i quỹ th- gian quy ănh của NH

2/21/2021



(4) CỐ DẠĐT, PHƯƠNG ÁN SXKD DỊCH VỤ KHẢ THI CÓ HIỆU QUẢ

Nội dung:

- Vay kinh doanh: khả thi, có hiệu quả
- Vay tiêu dùng: khả thi phù hợp với cyclic quy định của pháp luật

Ý nghĩa:

- Là cơ sở để đánh giá tính thực tiễn, hợp lý của nhu cầu vay
- Là cơ sở để đánh giá nguồn trứn (vay kinh doanh)

2/21/2021



(5) THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Nội dung: theo quy định trong NĐ 178 và NĐ 85

Ý nghĩa:

- Nâng cao trách nhiệm của khách hàng trong việc sử dụng vốn vay.
- Tạo ra nguồn trứơc thối hai (bổ đắp bằng tài sản hoặc bổ lỗnh)
- Tạo ảnh hưởng nâng cao uy tín tín dụng và hiệu quả kinh doanh (tín chấp)

2/21/2021



3. THỜI HẠN CHO VAY

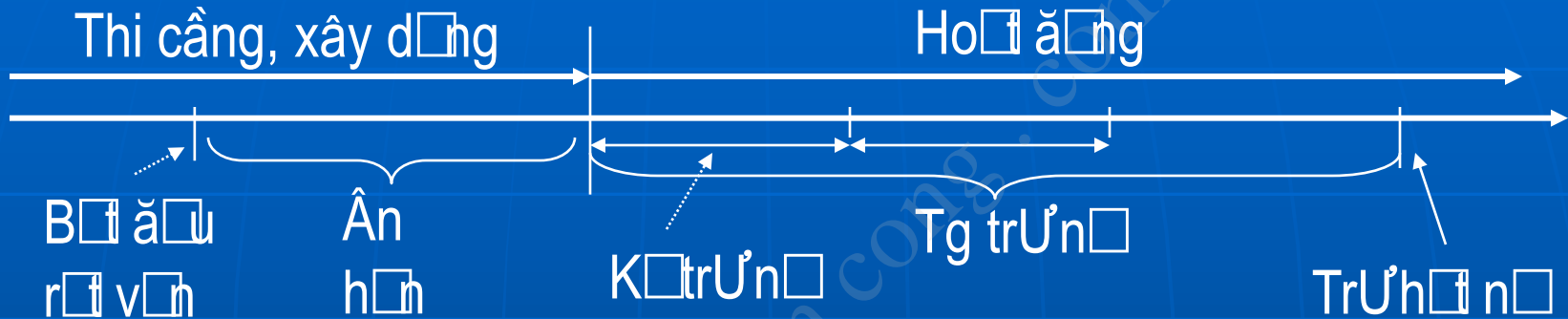
Định nghĩa:

Thời hạn cho vay là khoảng thời gian để tính toán khi khách hàng bắt đầu nhận tiền vay cho đến thời điểm trả hết nợ gốc và lãi tiền vay hoặc thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa tổ chức tín dụng và khách hàng.

Thời hạn cho vay = Thời gian ân hạn + Thời gian trả nợ

2/21/2021

1.3. THỜI HẠN CHO VAY



- Thời gian ân hạn: là khoảng thời gian tính từ ngày KH nhận tiền vay lần đầu tiên cho đến trước ngày bắt đầu của kỳ hạn trả nợ đầu tiên.
- Thời gian trả nợ: là khoảng thời gian tính từ ngày bắt đầu của kỳ trả nợ đầu tiên cho đến khi trả hết nợ cho NH.
- Kỳ hạn nợ là những khoảng thời gian nằm trong thời hạn cho vay mà cuối mỗi khoảng thời gian ấy KH phải hoàn trả 1 phần hoặc toàn bộ số nợ cho NH

2/21/2021

1.3. THỜI HẠN CHO VAY

❑ Cơ sở xác định:

- Đặc điểm và chu kỳ hoạt động kinh doanh của KH và ảnh hưởng vay vốn
- Khả năng trả nợ của khách hàng vay vốn
- Thời gian hoàn vốn đầu tư của dự án đầu tư
- Khả năng cân đối nguồn vốn của NH: vũ thời hạn...
- Các yếu tố khác: Yêu cầu kỹ thuật trong thực hiện dự án vay vốn; Chính sách cho vay, trình độ CBTD

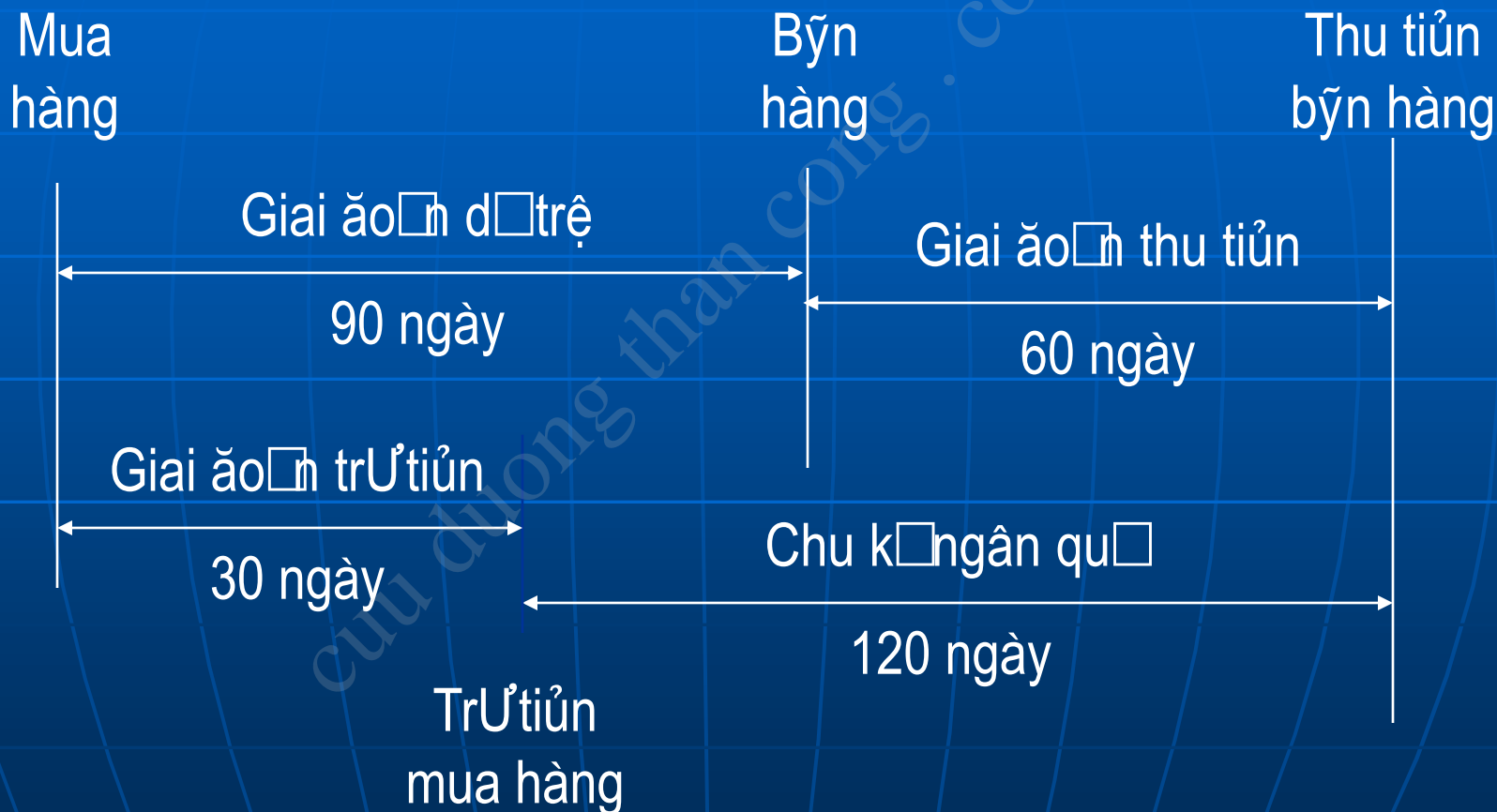
2/21/2021

CHU KỲ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP



2/21/2021

CHU KỲ NGÂN QUỸ CỦA DOANH NGHIỆP



2/21/2021

KHẢ NĂNG TRẢ NỢ CỦA KHÁCH HÀNG

$$\text{Nguồn trả nợ vay} = \text{Khấu hao TSCĐ} + 1 \text{ phần lợi nhuận sau thuế} + \text{Nguồn trả nợ khác}$$

$$\text{Mức trả nợ bình quân 1 kỳ} = \frac{\text{Nguồn trả nợ 1 năm}}{\text{Số kỳ hạn nợ trong năm}}$$

$$\text{Số kỳ hạn nợ} = \frac{\text{Tổng số nợ}}{\text{Mức trả nợ bình quân 1 kỳ}}$$

2/21/2021



THỜI GIAN HOÀN VỐN ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

$$\text{Thời gian hoàn vốn đầu tư dự án} = \frac{\text{Vốn đầu tư}}{\text{Khấu hao} + \text{Lợi nhuận}}$$

→ Thời hạn cho vay bằng với quỹ thời gian hoàn vốn đầu tư của dự án

2/21/2021

KHẢ NĂNG CÂN ĐỐI NGUỒN VỐN CỦA NH

Nguyên tắc sử dụng vốn:

- Vốn huy động NH chỉ được phép sử dụng để cho vay ngắn hạn
- Muốn cho vay TDH phải sử dụng nguồn vốn huy động TDH

Thực tế các NH được phép sử dụng 1 phần vốn huy động ngắn hạn để cho vay trung và dài hạn

→ Nguồn vốn cho vay trung và dài hạn gồm:

- Vốn huy động trung và dài hạn
- 1 phần nguồn vốn huy động ngắn hạn
- Phần vốn lãi của vốn tích lũy sau khi đã sử dụng để đầu tư TSCĐ và đầu tư thế chấp khác

2/21/2021



4. PHƯƠNG PHÁP CHO VAY

4.1. Cho vay từng lần

4.2. Cho vay theo hạn mức tín dụng

4.3. Cho vay thấu chi

4.4. Cho vay theo hạn mức tín dụng dự phòng

4.6. Các phương thức cho vay khác: Cho vay trả góp, Cho vay thẳng qua nghiệp vụ phát hành và sử dụng thẻ ...

2/21/2021



4.1. CHO VAY TỪNG LẦN.

Định nghĩa:

Cho vay từng lần là ph- ơng thức cho vay mà mỗi lần vay vốn khách hàng và NH ẫu phải làm thủ tục vay vốn cụ thể và khớp ả ợng tín dụng

Tr- ợng hợp ỹp dụng:

- Khách hàng c ần vốn vay vốn hằng th- ợng xuyên,
- NH ẫu c ần ỹp dụng ả ợ giảm s ỹt, kiểm tra, quản lý vi ệ s ỹ dụng vốn vay chặt chẽ.

2/21/2021

4.1. CHO VAY TỪNG LẦN.

☐ Cấp vốn vay:

- Mỗi hợp đồng tín dụng có thời hạn vay 1 hoặc nhiều lần phù hợp với tiến độ và yêu cầu sử dụng vốn của khách hàng
- Tăng số tiền cho vay hàng năm để vớt quỹ số tiền bỏ kỹ trong hợp đồng tín dụng

☐ Thu nợ:

Theo lịch trả nợ đã thỏa thuận trong HĐTD



4.2. CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

☐ Nh nghĩa:

- NH và khách hàng xác định và thỏa thuận một hạn mức tín dụng, duy trì trong một khoảng thời gian nhất định.
- HMTD là mức dư nợ vay tối đa được duy trì trong một thời hạn nhất định mà NH và KH thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng.

2/21/2021

4.2. CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

Trình hợp ý định:

- Khách hàng cần cầu vay vốn - trả nợ thường xuyên
- Cậy tin với ngân hàng.
- Khách hàng cần đặc biệt sản xuất kinh doanh, luân chuyển vốn không phù hợp với phương thức cho vay từng lần

2/21/2021

4.2. CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG

☐ Cấp v:

- KH ã- c s d m HMTD trong th h n h t ã
- K h o c h r v n k h n g ã- c ghi trong h p ã
- KH r t i u n vay theo nhu c u t c t , trong p h m vi h n m c t n d n g c ã n l i

☐ Thu n:

- L c h t r u n ã- c t h o u t h u n v o t h i ã i m r t i u n vay
- V i c ã i u u c h n h v à x l y n n h - vay t n g l n .



4.3. CHO VAY THẦU CHI

- NH thoả thuận bằng văn bản chấp thuận cho KH chi v-số dư c-trần tài khoản vãng lai, t-một hạn mức nhất ănh trong thời hạn quy ănh.
- Giới hạn chi tiêu của KH: S-dư C-thực t-trần TKTG (TK vãng lai) + hạn mức thấu chi
- Tiễn vay ă-c r-tiếp t-TKTG (ch-khi nào trần TK khỷch hàng xuất hiệ d-n, khoản tiễn ă-m là tiễn vay)
- Lỗi tiễn vay phứ trứ ă-c tnh theo s-dư n-thực t-trần tài khoản
- Khỷch hàng c-thợ hoàn trứ s-tiễn vay vào bất k-lúc nào bằng viế g-tiễn vào tài khoản

2/21/2021



4.5. CHO VAY THEO HMTD DỰ PHÒNG

- Ngân hàng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức tín dụng nhất định, trong một thời hạn nhất định.
- Khách hàng phải trả phí cam kết cho ngân hàng trần cố định mức tín dụng đã cấp.

2/21/2021



5. LÃI SUẤT VÀ PHÍ SUẤT TÍN DỤNG.

5.1. Lãi suất cho vay

- a. Các yếu tố cấu thành lãi suất cho vay
- b. Các loại lãi suất
- c. Các phương pháp xác định lãi suất
- d. Phương pháp tính lãi

5.2. Phí suất tín dụng

2/21/2021

a. CÁC YẾU TỐ CẤU THÀNH LÃI SUẤT CHO VAY

- Chi phí huy động vốn: vốn tiền gửi, vốn vay
- Chi phí hoạt động: tiền lương, chi phí vận hành, chi phí chào mời, chi phí hoạt động khác
- Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng
- Chi phí thanh khoản: chi phí vốn đảm bảo thanh khoản cho hệ thống NH
- Chi phí vốn chi phí hệ: mức lợi nhuận Nh kỳ vọng thu về trên vốn chi phí hệ

2/21/2021

b. CÁC LOẠI LÃI SUẤT

☐ Lãi suất cho vay trong hạn:

- Được thoả thuận và ghi rõ trong hợp đồng tín dụng
- NH có thể ỹp dụng lãi suất cố định hoặc lãi suất thả nổi khi cho vay

☐ Lãi suất cho vay quỹ hạn:

Áp dụng trong trường hợp khoản vay bị chuyển sang NQH

$$\text{Lãi suất cho vay trong hạn} < \text{Lãi suất cho vay quỹ hạn} \leq 150\% \text{ lãi suất cho vay trong hạn}$$



C. PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH LÃI SUẤT CHO VAY

- i. Phương pháp ảnh hưởng tăng hợp chi phí
- ii. Phương pháp ảnh hưởng theo lãi suất cơ sở
- iii. Phương pháp ảnh hưởng chi phí lợi ích

2/21/2021

I. ĐỊNH GIÁ TỔNG HỢP CHI PHÍ

Giữ cho vay sẽ xác định dựa trên việc tổng hợp tất cả các chi phí liên quan đến khoản cho vay và mức lợi nhuận ngân hàng mong muốn.

$$\text{Lãi suất cho vay} = \text{Chi phí vốn cho vay} + \text{Mức lợi nhuận kỳ vọng}$$

$$\text{Chi phí vốn cho vay} = \text{Chi phí huy động} + \text{Chi phí hoạt động} + \text{Chi phí депозит} + \text{Chi phí thanh khoản}$$

2/21/2021

I. ĐỊNH GIÁ TỔNG HỢP CHI PHÍ

Ưu điểm:

- Đảm bảo cho NH biết rõ và chính xác trong từng dịch vụ mà mình cung cấp

Hạn chế:

- Việc xác định chính xác chi phí hoạt động cho từng dịch vụ NH rất khó khăn
- Chưa tính đến yêu cầu cạnh tranh trên thị trường

2/21/2021

ii. ĐỊNH GIÁ THEO LÃI SUẤT CƠ SỞ

Lãi suất cơ sở (Lãi suất tham chiếu, Lãi suất cơ bản):

- Là mức lãi suất ứng dụng trần cực thấp cho vay ngắn hạn để kích thích hàng hóa lưu thông tăng cao nhất.

$$\begin{aligned}\text{Lãi suất cho vay} &= \text{Lãi suất cơ sở} + \text{Phân bổ rủi ro tín dụng} + \text{Phân bổ rủi ro kỳ hạn} \\ &= \text{Lãi suất cơ sở} + \text{Chi phí tổng thẩm}$$

- Là lãi suất thị trường: Libor, Sibor, Vnibor...

$$\text{Lãi suất cho vay} = \text{Lãi suất cơ sở} + \text{Phân bổ rủi ro và lợi nhuận}$$

2/21/2021

iii. ĐỊNH GIÁ THEO CHI PHÍ – LỢI ÍCH

Lãi suất cho vay sẽ được xác định sao cho NH có thể bù đắp được toàn bộ chi phí, rủi ro có liên quan và đảm bảo có lãi.

→ Các bộ phận liên quan gồm:

1. Định tính tổng thu từ lãi và các phí khác có liên quan đến khoản vay
2. Định tính tổng chi phí mà NH phải thực hiện liên quan đến khoản vay của khách hàng: chi phí huy động vốn, chi phí quản lý...
3. Định tính lợi nhuận thu được từ khoản vay

2/21/2021

iii. ĐỊNH GIÁ THEO CHI PHÍ – LỢI ÍCH

$$\text{Tỷ lệ thu nhập của NH} = \frac{\text{Tổng thu nhập} - \text{Tổng chi phí}}{\text{Giấy trả cho vay ròng}}$$

- Nếu tỷ lệ thu nhập ã- ã tnh toyn là tch cã thNH cãthợ thã hiã cho vay theo lãi suốt dãtnh
- Nếu tỷ lệ thu nhập là tiãu cã thãyãu cãu vay vãn cãthợ bãtã chã hoặc NH phũ xem xã ãợ tãng lãi suốt hoặc tãng phã

d. PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI

- Tính lãi theo d- n thực tế

$$\text{Tiền lãi} = \frac{D - n_{\text{thực tế}}}{d - n} \times \text{Thời gian} \times \text{Lãi suất cho vay}$$

- Tính lãi theo n gốc phải trả

$$\text{Tiền lãi} = \frac{N_{\text{gốc phải trả}}}{SD \text{ tiền vay}} \times \text{Thời gian} \times \text{Lãi suất cho vay}$$

2/21/2021

b. PHƯƠNG PHÁP TÍNH LÃI

- Tính lãi theo d- n□b□h quân: lãi th-□ng ă-□c tính theo ă□h k□hàng thỹng

$$\text{Tiền lãi} = \frac{\text{D- n□b□ trong 1 k□(thỹng)}}{\text{Lãi suất cho vay 1 k□(thỹng)}} \times$$

Thời gian tính và trỦlãi:

- TrỦtr-□c vào thời gian giữ ngân
- TrỦsau theo ă□h k□ hoặc theo k□trỦg□c



5.2. PHÍ SUẤT TÍN DỤNG

Định nghĩa:

Là tỷ lệ phần trăm giữa chi phí thực tế mà ngân hàng phải trả so với số tín dụng thực tế đã sử dụng trong một khoảng thời gian nhất định.

$$\text{Phí suất tín dụng} = \frac{\text{Tổng chi phí thực tế}}{\text{Tổng số tiền vay thực tế sử dụng} \times \text{Thời gian CV trung bình}} \times 100\%$$

$$\text{Thời gian cho vay trung bình} = \frac{\text{Tổng d- n thực tế}}{\text{Tổng số tiền vay}}$$

2/21/2021

5.2. PHÍ SUẤT TÍN DỤNG

- Tổng chi phí = Lãi tiền vay + Phí - Lãi tiền gửi (nếu có)
- Phí bao gồm: thủ tục phí, phí cam kết, phí dàn xếp, phí trả nợ trước hạn ...
- Tổng số tiền vay thực tế sử dụng = số tiền cho vay – số tiền NH thu ngay – tiền gửi (nếu có)

2/21/2021

5.2. PHÍ SUẤT TÍN DỤNG

Ví dụ: Tính phí suất khoản tín dụng 100.000 USD với các điều kiện:

- Tiền vay cấp 1 lần, 7 tháng sau khi cấp trừ 70.000 USD, 5 tháng sau khi trả lần đầu trừ nợ 30.000 USD
- Lãi suất cho vay 6%/năm
- Hoa hồng phí trừ cho ngân hàng mãi mãi là 0,2% số tiền vay
- Thực phí là 0,1% số tiền vay.
- Ngân hàng thu ngay tiền lãi.

2/21/2021

5.2. PHÍ SUẤT TÍN DỤNG

+100.000		-70.000		-30.000
	7 thỹng		5 thỹng	
DN:	100.000		30.000	

- Thời gian cho vay trung bình:

$$= (100.000 \times 7 + 30.000 \times 5) / 100.000 = 8,5 \text{ (thỹng)}$$
- Tổng chi phí thực tế
 Lãi tiền vay: $100.000 \times 8,5 \times 6\% / 12 = 4.250$
 Phí thực: $100.000 \times 0,1\% = 100$
 Tổng chi phí thực tế: $4.250 + 100 = 4.350$
- Tổng số TV thực tế sử dụng: $100.000 - 4.250 = 95.750$
- Phí suất TD

$$= 4.350 / (95.750 \times 8,5) \times 100\% = 0,53\% / \text{thỹng} = 6,41\% / \text{năm}$$



6. BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Vốn bất hợp pháp

- NĐ 178/1999/NĐ-CP ngày 29/12/1999 về BHYT của các TCTD
- NĐ 85/2002/NĐ-CP ngày 25/10/2002 về sửa đổi bổ sung NĐ 178
- TT 07/2003/TT-NHNN ngày 19/5/2003 hướng dẫn thực hiện một số quy định về BHYT theo NĐ 178 và 85

2/21/2021

6. BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Định nghĩa:

Bảo đảm tiền vay là việc TCTD áp dụng các biện pháp nhằm phòng ngừa rủi ro, tạo cơ sở kinh tế và pháp lý để thu hồi vốn cho KH vay.

Các biện pháp:

6.1. Bảo đảm bằng tài sản

6.2. Bảo đảm bằng bằng tài sản

2/21/2021



6.1. BẢO ĐẢM BẰNG TÀI SẢN

- 1) Cầm cố, thế chấp bằng tài sản của khách hàng vay
- 2) Bổ lĩnh bằng tài sản của bản thân
- 3) Bổ lĩnh bằng tài sản hình thành từ vốn vay

2/21/2021

1) CẦM CỐ, THẾ CHẤP

Định nghĩa

- Cầm cố tài sản là việc bán vay giao tài sản là để thế chấp khoản vay để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.
- Thế chấp tài sản là bán vay dùng tài sản là để thế chấp khoản vay để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ và để bán cho vay.

2/21/2021

TÀI SẢN CẦM CỐ

Mỹ mĩc Tb, p. ti h v n tũ,
NNVL, hàng hóa, kim loại quý...

Quy n v i ph i h v i h g i p trong DN

Ngo i t i b i n g t i u n m i t; T i u n t r i n
TKTG b i n g VND v i ngo i t i

Quy n khai th y c t i u n g i n n
th i i n n i i n

T r y i p h i i u, k i p h i i u, c i p h i i u,
s i t i i t k i i m, t h u i n g p h i i u...

T i u b i n, m y b a y i - i c c i m c i
t h e o q u y i n h c i a p h y p l u o t

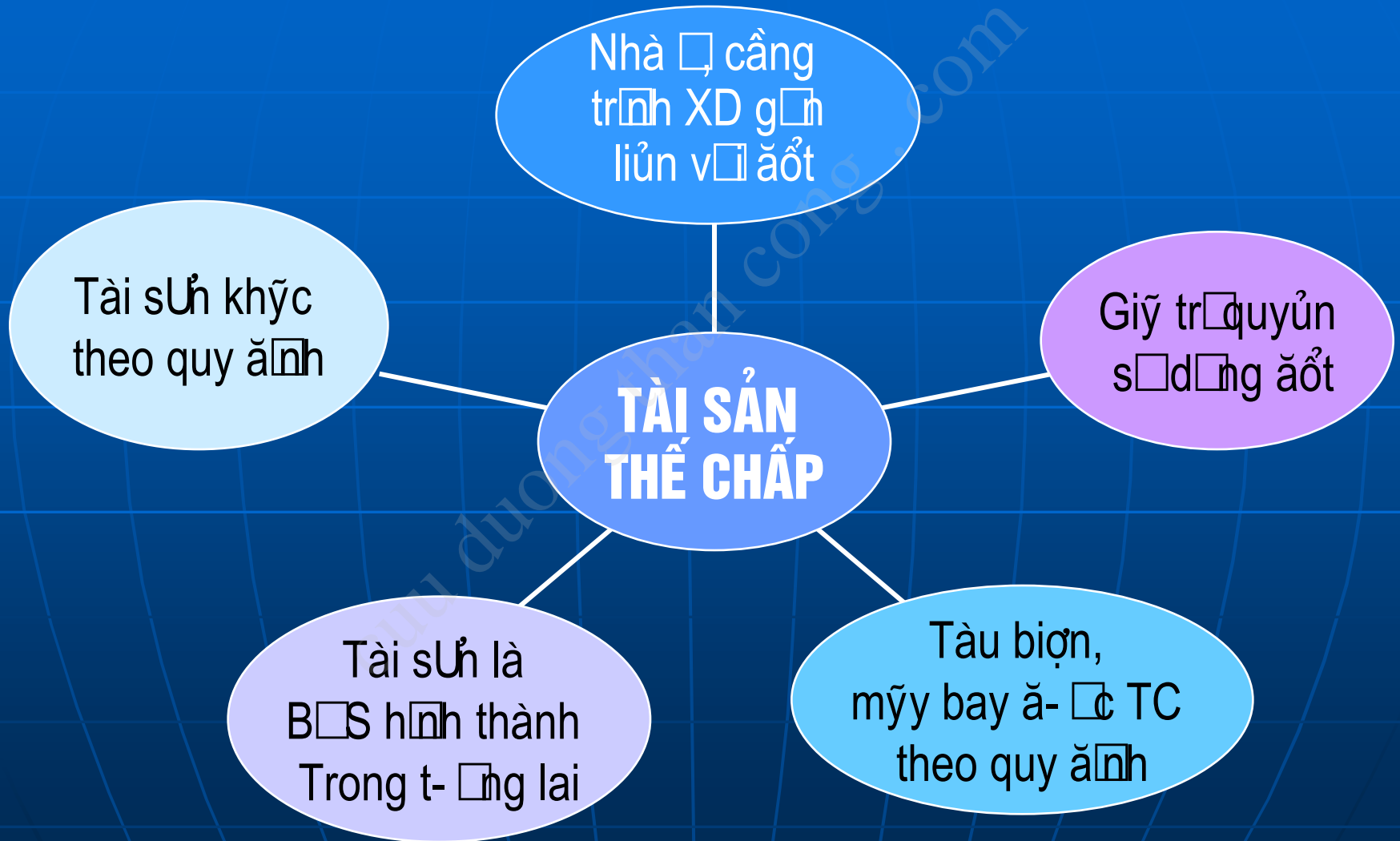
Q u y n t y c g i i u, Q u y n S H
c i n g n g h i i p; Q u y i n i t i n

T S l i i i n g s i u
h i n h t h i n g t r i n g t - i n g l i

C y c t i u s i u k h y c
t h e o q u y i n h c i a p h y p l u o t.

2/21/2021

TÀI SẢN THẾ CHẤP



2/21/2021

TÀI SẢN THỂ CHẤP

- Trường hợp thể chấp toàn bộ tài sản có vật phụ, vật phụ ảnh hưởng thuộc tài sản thể chấp. Trong trường hợp thể chấp một phần tài sản có vật phụ, vật phụ không thuộc tài sản thể chấp, nếu các bên có thỏa thuận.
- Hoa lợi, lợi tức và các quyền phát sinh từ tài sản thể chấp cũng thuộc tài sản thể chấp, nếu các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định; trường hợp tài sản thể chấp ảnh hưởng bởi khoản thanh khoản tiền bởi khoản cũng thuộc tài sản thể chấp.

2/21/2021

ĐIỀU KIỆN CỦA TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Điều kiện của tài sản bảo đảm:

- Tài sản phải thuộc quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng, quản lý của khách hàng vay, bản bảo lĩnh.
- Tài sản được phép giao dịch.
- Tài sản không có tranh chấp.
- Tài sản mà pháp luật quy định phải mua bảo hiểm thế chấp vay, bản bảo lĩnh phải mua bảo hiểm TS trong thời hạn bảo hiểm tuân theo.

2/21/2021



PHẠM VI BẢO ĐẢM TIỀN VAY CỦA TÀI SẢN

Một TS bảo đảm sẽ được sử dụng để bảo đảm thực hiện nhiều nghĩa vụ trước mặt một hoặc nhiều TCTD. TH bảo đảm cho các nghĩa vụ trước mặt nhiều TCTD phải có các điều kiện:

1. Các giao dịch bảo đảm liên quan đến TS này sẽ được đăng ký tại cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm (thực địa - u tiên...)
2. Các TCTD cũng nhận một TS bảo đảm phải thỏa thuận bằng văn bản các điều kiện giết bỏ chính giấy tờ liên quan đến TS bảo đảm, việc xử lý TS bảo đảm sẽ thu hồi nó..
3. Giấy tờ TSB sẽ xác định thời điểm khi H được bảo đảm phải làm hơn tăng giấy tờ các nghĩa vụ trước mặt bảo đảm, trừ trường hợp hợp pháp luật có quy định khác.

2/21/2021

2) BẢO LÃNH BẰNG TÀI SẢN CỦA BÊN THỨ BA

☐ Định nghĩa:

Bảo lãnh bằng TS của bên thứ ba (bản bảo lãnh) là việc bản bảo lãnh cam kết với TCTD về việc sử dụng TS thuộc quyền quản lý, sử dụng của mình để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho khách hàng vay, nếu KH vay thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ.

☐ Nội dung:

TCTD và bản bảo lãnh thoả thuận về việc cấp đặt hay không cấp đặt các biện pháp cầm cố, thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh.

Việc cầm cố, thế chấp TS để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như biện pháp trừ nợ.

2/21/2021

2) BẢO LÃNH BẰNG TÀI SẢN CỦA BÊN THỨ BA

Ưu điểm của bảo lãnh:

- Công nhận hợp pháp luật dân sự, công nhận hành vi dân sự theo quy định của pháp luật
- Công tài sản để ưu tiên theo quy định để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh

2/21/2021



3) BẢO ĐẢM BẰNG TS HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY

□ Ưu tiên ảnh hưởng hàng vay:

- □ Khử nợ tài chính ảnh hưởng nghĩa vụ trả nợ
- □ DADT, pa sxkddv (phức vụ ảnh hưởng) khử thi và □ hiệu quả (phù hợp với quy định của pháp luật)
- □ m□c v□n t□c□ tham gia vào DA/pa sxkddv, ảnh hưởng và giữ tr□ TS□ tuân vay bằng các biện pháp CC, TC tài liệu bằng 15% V□T của d□yến/ph-□ng yến

2/21/2021

3) BẢO ĐẢM BẰNG TS HÌNH THÀNH TỪ VỐN VAY

Ưu điểm và tài sản:

- TS phải xác định ảnh hưởng hoặc quyền quản lý sử dụng; xác định ảnh hưởng giữ trữ và ảnh hưởng giao dịch. Ngoài ra và tài sản là vật tư hàng hoá, TCTD phải có khả năng quản lý giảm sút TS bảo đảm.
- Tài sản TS phải tuân theo quy định phải mua bảo hiểm thời hạn phải cam kết mua bảo hiểm trong suốt thời hạn vay vốn khi TS hình thành ảnh hưởng vào sử dụng.

2/21/2021



2.4.2. CHO VAY KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO BẰNG TS

- 1) Tổ chức tín dụng lựa chọn cho vay không có đảm bảo bằng tài sản (tín chấp).
- 2) TCTD Nhà nước cho vay không có đảm bảo bằng tài sản theo chính sách của Chính phủ
 - NH chịu trách nhiệm ảnh hưởng khưong trước
 - Tấn thốt do khỹch quan ả- của Chính phủ x-ly.
- 3) Bỏ lĩnh bằng tín chấp của tổ chức hoàn toàn thợ chính tr- xỏ h- cho cỹ cỹ nhân, h- gia ả- nhợo vay v-.

2/21/2021

CHO VAY TÍN CHẤP

Điều kiện của khách hàng:

- Sử dụng vốn vay có hiệu quả, trả nợ đúng hạn trong quan hệ tín dụng với các TCTD
- Có DẠT/p.yn sx, kd, dv (phúc vụ xã hội) khởi thi, có hiệu quả (phù hợp với quy định của pháp luật)
- Có khả năng tài chính để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng
- Cam kết thực hiện biện pháp đảm bảo bằng tài sản nếu vi phạm HĐTD; cam kết trả nợ trước hạn nếu không thực hiện cam kết trả.

2/21/2021



2.6. HĐTD VÀ HỢP ĐỒNG BẢO ĐẢM TIỀN VAY

Tính chất pháp lý

- HĐ bảo đảm tiền vay là một nội dung của HĐTD và là điều kiện để HĐTD có hiệu lực
- HĐ bảo đảm tiền vay dựa trên hiện trạng tài sản hiện có của hợp tác xã đang

Nội dung hợp đồng

Mức trích sử dụng tiền vay, hình thức vay, số tiền vay, lãi suất, thời hạn vay, hình thức bảo đảm, giấy tài sản bảo đảm, phương thức trả nợ và các cam kết khác của các bên tham gia (xem phụ lục)

2/21/2021

